

CÔNG TY CP DỊCH VỤ VẬN TẢI
VÀ THƯƠNG MẠI

Số 67 /TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

“Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, sửa đổi Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ;

- Căn cứ Công văn số 220/2020/TMS ngày 04/06/2020 của Công ty Cổ phần Transimex đề xuất điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty (Nội dung chi tiết đính kèm theo Tờ trình này).

Xin kính trình Quý vị cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến và thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải và thương mại.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Nt
- Ban điều hành
- Lưu VP HĐQT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VẬN TẢI
VÀ THƯƠNG MẠI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Chủ tịch HĐQT
Lê Tất Hưng

A. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
(Theo kiến nghị của Công ty CP Transimex)

(Đính kèm Tờ trình số..... ngày..... /06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ vận tải và thương mại tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

I. ĐỀ XUẤT XÓA BỎ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÔNG CÒN PHÙ HỢP SAU KHI DOANH NGHIỆP ĐÃ THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA

1. Xóa bỏ Điều 12 – Vốn hoạt động.

Lý do: Căn cứ Điều lệ mẫu, không cần thiết phải quy định chi tiết các loại “vốn hoạt động” của Công ty.

Nội dung xóa bỏ:

Vốn hoạt động của Công ty bao gồm:

Vốn điều lệ:

Vốn vay;

Vốn huy động;

Vốn Vốn tiếp nhận;

Vốn tích lũy;

Vốn khác.

2. Xóa bỏ Khoản 2 Điều 13 – Vốn điều lệ.

Lý do: Không cần thiết phải quy định chi tiết về cơ cấu vốn tại Điều lệ Công ty.

Nội dung xóa bỏ:

Cơ cấu vốn phân theo sở hữu tại thời điểm thay đổi vốn điều lệ lần thứ tư:

a) Vốn thuộc sở hữu nhà nước: 28800000000 VND (Hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng chẵn), chiếm 33,499% vốn điều lệ.

b) Vốn sở hữu của các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp: 57.200.000.000 VND (Năm mươi bảy tỷ hai trăm triệu đồng chẵn) chiếm 66,51% vốn điều lệ.

3. Xóa bỏ Khoản 4 Điều 23 – Quy định về Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty.

Lý do: Người đại diện của Cổ đông sẽ do Cổ đông tự quyết định.

4. Xóa bỏ “nội dung chấm đầu tiên” tại Khoản 1 Điều 26 – Các kỳ họp của Đại hội đồng Cổ đông – Quy định về “Đại hội đồng cổ đông thành lập”.

5. Xóa bỏ Điều 27 – Đại hội đồng cổ đông thành lập.

6. Xóa bỏ Khoản 2 Điều 30 – Thể thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Lý do: Nội dung tại Khoản 2 Điều 30 này sẽ thể hiện tại Thông báo mời họp gửi đến cổ đông theo yêu cầu và quy chế tổ chức từng kỳ Đại hội.

Nội dung xóa bỏ:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Đối với các cổ đông đã thực hiện

việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể được thay thế bằng đăng tải lên website của công ty. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

7. Xóa bỏ Khoản 2 Điều 33 – Hội đồng quản trị.

Lý do: Điều chỉnh quy định về số lượng thành viên Hội đồng quản trị này tại nội dung Điều chỉnh Điều 36 Điều lệ.

Nội dung xóa bỏ:

Hội đồng quản trị gồm từ 05 (năm) đến 07 (bảy) người do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

8. Xóa bỏ Khoản 1.d Điều 34 – Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị.

Nội dung xóa bỏ:

Những người là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị của quá 03 (ba) tổ chức sản xuất kinh doanh khác. Thành viên hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.

Lưu ý: Khoản 3 Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định: “Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác” ---> Nên sửa điều 34 Điều lệ công ty phù hợp với Nghị định 71.

9. Xóa bỏ 1 phần nội dung tại Điều 45 – Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và tiêu chuẩn lựa chọn.

Lý do: Phù hợp với việc sửa đổi, điều chỉnh các quy định có liên quan về nội dung “Người đại diện pháp luật của Công ty”.

Nội dung xóa bỏ:

Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người đại diện pháp luật của Công ty trong mọi giao dịch.

10. Xóa bỏ 1 phần nội dung tại Điều 47 – Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc.

Lý do: Phù hợp với việc sửa đổi, điều chỉnh các quy định có liên quan về nội dung “Người đại diện pháp luật của Công ty”.

Nội dung xóa bỏ:

Quyết định cao nhất về quản lý và điều hành của Công ty.

11. Xóa bỏ Khoản 1.a Điều 64 – Chấm dứt hoạt động.

Nội dung xóa bỏ:

a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không gia hạn;

II. SỬA ĐỔI ĐIỀU CHỈNH ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Điều chỉnh phần “Căn cứ pháp lý” và phần “dẫn chiếu”. Chi tiết điều chỉnh như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010; - Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật Chứng khoán 2006, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán 2010, và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung; - Nghị định 71/2017/NĐ-CP Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; - Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; và - Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.
<p>Chúng tôi những cổ đông gồm các điều khoản sau:</p>	<p>Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động trong khuôn khổ của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p> <p>Điều lệ được thông qua theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên ngày 29 tháng 06 năm 2020 và thay thế Điều lệ cũ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2018.</p>

2. Khoản 2 Điều 24 – Quyền lợi của cổ đông về tỷ lệ nắm giữ cổ phần và các quyền có liên quan.

Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 7% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 33.6 và Điều 51.5;</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1, Điều 29 Điều lệ này;</p> <p>c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền đề cử các Ủy viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều ... và Điều ... Điều lệ này;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông;</p> <p>b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự, biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ</p>

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
<p>của Ban kiểm soát.</p> <p>d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết, Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản: phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra:</p> <p>e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>đồng;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>

3. Khoản 2 Điều 3 – Hình thức, tư cách hoạt động.

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
<p>Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại:</p> <p>a) Thuộc sở hữu của các cổ động:</p> <p>b) Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng:</p> <p>c) Có điều lệ tổ chức và hoạt động:</p> <p>d) Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn với các khoản nợ bằng số vốn do:</p> <p>c) Hạch toán kinh tế độc lập; tự chịu về tài chính; tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</p>	<p>1. Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại có:</p> <p>a) Con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình, chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.</p> <p>c) Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Công ty có trách nhiệm ban hành Quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng con dấu Công ty.</p>

4. Điều 5 – Thời gian hoạt động.

Điều chỉnh theo đúng thực tế hoạt động căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp của Công ty, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
<p>Trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 60 hoặc gia hạn, thời hạn hoạt động của Công ty là 30 (ba mươi) năm kể từ ngày thành lập.</p>	<p>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 64 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và hoạt động vô thời hạn.</p>

5. Khoản 3 Điều 13 – Vốn điều lệ.

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
3. Việc tăng vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng cách trích một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vào vốn điều lệ hoặc phát hành có phiếu mới theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.	3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Khi cần thiết Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng cách trích một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vào vốn điều lệ hoặc phát hành có phiếu mới theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Khoản 6 Điều 28 – Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên:
Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
6. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên: m) Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; s) Quyết định việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 57 Điều lệ công ty với giá trị lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	6. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên: Bỏ mục m s) Quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;

7. Khoản 4 Điều 30 – Thẻ thức triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Điều chỉnh quy định về quyền gửi kiến nghị của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ mẫu và phù hợp với nội dung đã điều chỉnh tại **Khoản 2 Điều 24 – Quyền lợi của cổ đông về tỷ lệ nắm giữ cổ phần và các quyền có liên quan**, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
	ng nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

8. Khoản 6 Điều 33 – Hội đồng quản trị.

Điều chỉnh quy định về quyền đề cử, ứng cử căn cứ theo tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ mẫu và phù hợp với nội dung đã điều chỉnh tại **Khoản 2 Điều 24 – Quyền lợi của cổ đông về tỷ lệ nắm giữ cổ phần và các quyền có liên quan**, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các Ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 7% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.	Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các Ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% được đề cử tối đa năm (05) Ứng viên.

9. Khoản 3 Điều 47 – Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc. Chi tiết điều chỉnh như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.	Quyết định tất cả các công việc phát sinh hàng ngày không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

10. Khoản 5 Điều 51 – Ban kiểm soát.

Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ mẫu và phù hợp với các nội dung đã điều chỉnh tại **Khoản 2 Điều 24 – Quyền lợi của cổ đông về tỷ lệ nắm giữ cổ phần và các quyền có liên quan**, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
5. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách	5. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
cổ đông dự họp có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 7% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên, từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 ứng viên, từ 50% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.	quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các Ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% được đề cử tối đa năm (05) Ứng viên.

11. Điều 57 – Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
<p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc).</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc).</p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và các giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị bản dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày gửi hợp đồng hoặc thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị trên 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch tại Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	<p>1. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng hoặc những người liên quan đến họ là Thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với Hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của Hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng đã được báo cáo tới Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện Hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những Thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những Hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của Hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những Cổ đông đó đã thông qua Hợp đồng</p>

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc) có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc Hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

12. Chương VII – Các chế độ về lao động và quyền lợi của người lao động - Điều 61 – Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

Điều chỉnh phù hợp với thực tế tình hình Doanh nghiệp, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
<p>Chương VII – Các chế độ về lao động và quyền lợi của người lao động</p> <p>Điều 61: Chế độ và quyền lợi của người lao động</p> <p>1. Chế độ tuyển dụng:</p> <p>Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc người được Giám đốc (Tổng giám đốc) uỷ quyền và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:</p> <p>a) Người lao động đang làm việc cho Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải hàng hoá và Hành khách khi chuyển sang Công ty sẽ được ký lại hợp đồng lao động;</p> <p>Đối với lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.</p> <p>b) Khi chuyển sang Công ty cổ phần mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác được Công ty tiếp tục thực hiện:</p> <p>Sau 12 (mười hai) tháng kể từ khi Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách chuyển thành Công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo quy định pháp luật.</p>	<p>Chương VII – Công nhân viên và Công đoàn</p> <p>Điều 61: Công nhân viên và Công đoàn</p> <p>1. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Doanh nghiệp.</p> <p>2. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các Chuẩn mực, thông lệ và Chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và Chính sách quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>

13. Khoản 1.e Điều 63 – Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, kiểm toán và báo cáo thường niên.

Điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ mẫu và thực tế hoạt động kinh doanh, nguyên tắc quản trị Công ty, chi tiết như sau:

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
<p>e) Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký;</p>	<p>e) Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho Cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>

III. BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Điều 31 – Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Quy định hiện hành	Sửa đổi điều chỉnh
(Chưa quy định)	<p>7. Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với Giấy ủy quyền cho Luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>8. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền hủy bỏ thẩm quyền của người được ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>

2. Khoản 4 Điều 32 - Thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Quy định hiện hành	Bổ sung
4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc:	4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc:

<p>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty; Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty; Giao dịch bán tài sản của công ty hoặc của chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo số sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất; sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty; Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể công ty; Giao dịch bán tài sản của công ty hoặc của chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo số sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>
---	---

3. Điều 36 – Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

Quy định hiện hành	Bổ sung
<p>1. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. 2. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Cơ cấu Thành viên Hội đồng Quản trị như sau: a. Tổng số Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn. b. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>

4. Điều 40 – Việc mất tư cách của Hội đồng quản trị.

Quy định hiện hành	Điều chỉnh và bổ sung
<p>Việc mất tư cách của thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách trong các trường hợp sau: 1. Chết, mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự; 2. Tự ý bỏ nhiệm vụ hoặc không tham gia 3 kỳ họp liên tiếp của Hội đồng quản trị. 3. Mất tư cách người đại diện cho cổ đông là pháp nhân trong trường hợp pháp nhân chấm</p>	<p>Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau: - Không đủ tư cách làm Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên Hội đồng Quản trị; - Có đơn từ chức gửi HĐQT; - Bị rối loạn tâm thần và Thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn</p>

Quy định hiện hành	Điều chỉnh và bổ sung
dứt hoạt động, phá sản. 4. Công ty chấm dứt hoạt động, phá sản theo quy định của pháp luật.	chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; - Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. - Việc bổ nhiệm các Thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Điều 47 – Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc. Bổ sung mới quy định.

Quy định hiện hành	Bổ sung
(Chưa quy định)	Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) khi đa số Thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc (Tổng Giám đốc) mới thay thế.

6. Điều 62 – Hạch toán. Bổ sung mới quy định về “công bố thông tin”.

Quy định hiện hành	Bổ sung
Điều 62: Hạch toán (Chưa quy định)	Điều 62: Báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý. 6. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Báo cáo tài chính sáu (06) tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. 7. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của Kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu (06) tháng được soát xét và Báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 8. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và Báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

7. Bổ sung quy định về “Người đại diện theo pháp luật của Công ty”.

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- c. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng Quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- d. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng Quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Bổ sung quy định về “Sửa đổi Điều lệ”.

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại Hội đồng Cổ đông xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

9. Bổ sung quy định về “Thay đổi các quyền”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số Đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng Đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 30 và Điều 32 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

10. Bổ sung quy định về “Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông”.

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:*
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp;*
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;*
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;*
 - d. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;*
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;*
 - f. Số Cổ đông, đại diện được ủy quyền và tổng số Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của các Cổ đông, đại diện được ủy quyền dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện được ủy quyền dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;*
 - g. Tổng số Phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số Phiếu biểu quyết của Cổ đông, đại diện được ủy quyền dự họp;*
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu của từng Ứng viên;*
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ Phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;*
 - j. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.*
- 2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.*
- 3. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản.*
- 4. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.*
- 5. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi Biên bản.*
- 6. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.*

11. Bổ sung quy định về “Các cuộc họp của Hội đồng quản trị”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các Thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.*

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc ít nhất (.....) người điều hành khác;
 - b. Ban kiểm soát;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) Thành viên Hội đồng Quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về Báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở chính hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối Thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và Phiếu biểu quyết của Thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số Thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số Thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
9. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các Thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số Thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi Thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng Thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các Thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các Thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất Thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các Nghị quyết, quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong Biên bản của tất cả Thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) Phiếu biểu quyết;
- b. Một Thành viên sẽ không được biểu quyết về các Hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà Thành viên và bất kỳ những người có liên quan nào của Thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ Thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà Thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của Thành viên Hội đồng Quản trị mà Thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan với Thành viên đó hưởng lợi từ một Hợp đồng được quy định tại **Điểm a và Điểm b Điều 57 Điều lệ (xem phần đề xuất sửa đổi)** này được coi là có lợi ích đáng kể trong Hợp đồng đó.

12. Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một Hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết Hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm Hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi Thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc Hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra Nghị quyết trên cơ sở đa số (trên 50%) Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các Thành viên và Nghị quyết, Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.

Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung sau đây:

- a. Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục tiêu, chương trình và nội dung cuộc họp;
 - c. Thời gian và địa điểm họp;
 - d. Họ tên của từng Thành viên tham dự, họ tên của những Thành viên vắng mặt và lý do vắng mặt;
 - e. Vấn đề đã thảo luận và được biểu quyết trong cuộc họp;
 - f. Tóm tắt ý kiến của mỗi Thành viên tham dự theo thứ tự các thủ tục trong cuộc họp;
 - g. Kết quả bỏ phiếu;
 - h. Các quyết định được thông qua;
 - i. Họ tên và chữ ký của tất cả các Thành viên dự họp hoặc những người được ủy quyền dự họp.
 - j. Chủ tịch và Thư ký của cuộc họp sẽ chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của biên bản cuộc họp.
16. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng và các chuyên gia của bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng Quản trị theo lời mời của Chủ tịch nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ được ủy nhiệm biểu quyết như Thành viên Hội đồng Quản trị.
17. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định Hội đồng Quản trị, hoặc của bất kỳ Tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của bất kỳ người nào với tư cách Thành viên của Tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp mà quá trình bầu, chỉ định Thành viên của Tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có những thiếu sót nhưng không vi phạm pháp luật.

12. Bổ sung quy định về “Các tiểu ban Hội đồng quản trị”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Các tiểu ban Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập Tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng Thành viên của Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm Thành viên của Hội đồng Quản trị và Thành viên bên ngoài. Các Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các Thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số Thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban là Thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách Thành viên Tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

13. Bổ sung quy định về “Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách Cổ đông, các biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ đông phải kèm theo Giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của Giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông do trung tâm lưu ký cung cấp và những sổ sách, hồ sơ chứng từ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được tuyệt đối bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, các Quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan Nhà nước đã được thông báo về việc lưu giữ các tài liệu này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Số thứ tự các điều của Điều lệ Công ty có thể được sắp xếp lại khi các nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

B. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI (Theo kiến nghị của Công ty CP Transimex)

(Đính kèm Tờ trình số..... ngày..... /06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ vận tải và thương mại tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

1. Điều chỉnh sửa đổi, bổ sung các quy định tại Quy chế quản trị tương ứng những nội dung đã điều chỉnh tại Điều lệ Công ty.
2. Bổ sung thêm “Điều ...: Nhân sự Đại hội đồng cổ đông” nhằm quy định chi tiết nhiệm vụ, chức năng và trách nhiệm của các nhân sự tại Đại hội

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số Phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa của Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số Đại biểu tham dự.
- d. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng Đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
- e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

f. Đoàn Chủ tọa gồm một (01) Chủ tọa đại hội và tối đa 02 thành viên đương nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa được đại hội biểu quyết thông qua và có chức năng điều khiển đại hội.

g. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
- Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
- Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - + Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc
 - + Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
- Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.
- Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.
- Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký Đại hội:

a. Chủ tọa chỉ định một (01) hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. ĐHĐCĐ bầu một (01) hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận Phiếu biểu quyết, lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển Biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

- a. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có tối đa ba (03) người, bao gồm Trưởng Ban và các Thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình Cổ đông, đại diện Cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình Cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

3. Bổ sung thêm “Điều ...: Báo cáo tình hình quản trị công ty”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Báo cáo tình hình quản trị công ty

1. Báo cáo tình hình quản trị Công ty tuân thủ các nội dung theo Phụ lục 05 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp Luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Bổ sung thêm “Điều...: Cách thức giới thiệu Ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị” (căn cứ Điều 33 Quy chế quản trị Transimex).

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Cách thức giới thiệu Ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử Thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: Số lượng, tiêu chuẩn Ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 33 Điều lệ. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử, trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...
3. HĐQT tổng hợp danh sách Ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng Ứng viên nhằm đảm bảo các Ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT.
4. Trường hợp số lượng Ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách Ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - a. Số lượng Ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách Ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại khoản 3 Điều này;
 - b. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - c. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

5. Bổ sung thêm vào Điều 14: Hợp Hội đồng quản trị” nội dung “Công bố Nghị quyết HĐQT”

Chi tiết nội dung như sau:

15. Thông báo Nghị quyết HĐQT:

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các Cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

6. Bổ sung thêm “Điều...: Cách thức bầu Kiểm soát viên”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số Phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của BKS và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số Ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ Ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) Ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các Ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

7. Bổ sung thêm “Điều...: Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp BKS;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
 - c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

8. Bổ sung thêm “Điều...: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều ...: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

9. Bổ sung thêm “Điều...: Cách thức giới thiệu Ứng viên Ban kiểm soát”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều...: Cách thức giới thiệu Ứng viên Ban kiểm soát

1. BKS triệu tập cuộc họp BKS về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn Ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện, trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử....
3. Công ty tổng hợp danh sách Ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng Ứng viên nhằm đảm bảo các Ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định.
4. Trường hợp số lượng Ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách Ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - a. Số lượng Ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách Ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
 - b. Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - c. Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

10. Bổ sung thêm “Điều...: Cuộc họp Ban kiểm soát Ban kiểm soát”

Chi tiết nội dung như sau:

Điều...: Cuộc họp Ban kiểm soát Ban kiểm soát

1. BKS có thể ban hành các quy định về cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
2. BKS có quyền yêu cầu Thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

11. Bổ sung thêm “Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát Và Giám đốc (Tổng Giám Đốc)”

Chi tiết nội dung như sau:

Chương: Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát Và Giám đốc (Tổng Giám Đốc)

Điều.... Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là Thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành Doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và Cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động Thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 64. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Nhân sự và Lương, Thương có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng.
2. Đối tượng: Các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: Bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Nhân sự và Lương, Thương xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên sẽ do ĐHĐCĐ quyết định..
5. Đối với đối tượng là Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng: Nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc (Tổng Giám đốc) sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 65. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, Cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật

Số thứ tự các điều của Quy chế quản trị Công ty có thể được sắp xếp lại khi các nội dung sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.